

Số: 11 /TTr-UBND

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 7 năm 2025

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách năm 2025 tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách năm 2025 tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW, ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp; Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; hướng dẫn tại điểm b khoản 2.1 Mục II của Văn bản số 4205/BTC-NSNN ngày 02/4/2025 của Bộ Tài chính:

“b) Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy:

Sở Tài chính tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2025, bao gồm nguồn thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã,...”

Quy định về Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025 đang thực hiện có một số nội dung không còn phù hợp như sau:

+ Nghị quyết có nội dung quy định liên quan đến **cấp huyện** hiện đã không còn phù hợp với Nghị quyết số 60-NQ/TW, ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp, trong đó tại Mục 5 Nghị quyết có ghi: “(1) Đồng ý chủ trương tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp: Cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương), cấp xã (xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố)”

+ Việc sắp xếp, sát nhập các xã, phường và bỏ thị trấn làm thay đổi tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách nhà nước đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên (cũ) quy định.

Từ các lý do trên, để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách sau thực hiện kết thúc hoạt động của chính quyền địa phương cấp huyện và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp được triển khai đồng bộ, thống nhất, đúng quy định của pháp luật thì việc xây dựng Nghị quyết Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách năm 2025 tỉnh Thái Nguyên là phù hợp và cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ, đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Việc xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo yêu cầu về tính hợp pháp, tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật; phù hợp với quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi năm ngày 25 tháng 6 năm 2025; Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản có liên quan.

Nội dung Nghị quyết xây dựng nhằm quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách năm 2025 tỉnh Thái Nguyên.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thường trực HĐND tỉnh đã có Công văn số 25/HĐND-VP ngày 04/7/2025 về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết xây dựng nhằm quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách năm 2025 tỉnh Thái Nguyên theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, cơ quan chủ trì soạn thảo là Sở Tài chính đã tiến hành xây dựng dự thảo Nghị quyết theo đúng trình tự và quy định thực hiện xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo hình thức rút gọn; đồng thời tổng hợp ý kiến tham gia, góp ý, lấy ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Tài chính đã có báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết báo cáo UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn Luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 3 Điều.

2. Nội dung

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách năm 2025 tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Điều khoản thi hành.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN: Không.

(Có Dự thảo Nghị quyết và tài liệu kèm theo)

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách năm 2025 tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định. *h*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

(Nhưngnth/T7.CV09/8b) *h*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Hoàng Sơn

Số: /2025/NQ - HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách năm 2025 tỉnh Thái Nguyên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số: /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách năm 2025 tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Nghị quyết Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách năm 2025 tỉnh Thái Nguyên.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách năm 2025 tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Toàn bộ các khoản thu điều tiết cho ngân sách cấp huyện, cấp xã (*bao gồm cả tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Bắc Kạn trước sắp xếp*) hưởng từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày Nghị quyết có hiệu lực do ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã thực hiện được hạch toán điều tiết về ngân sách cấp tỉnh theo quy định tại Nghị quyết ngày.

3. Nghị quyết này chấm dứt hiệu lực của các Nghị quyết sau:

- Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên thời kỳ ổn định ngân sách 2022 – 2025; Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên thời kỳ ổn định ngân sách 2022 – 2025; Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 và phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022.

- Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn của quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách mới bắt đầu từ năm 2022; Nghị quyết số 02/2023/NQ-

HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn; Nghị quyết số 10/2025/NQHĐND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2023) của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XIV, Kỳ họp thứ mười thông qua ngày tháng 7 năm 2025../.

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Thái Nguyên;
- UB MTTQVN tỉnh Thái Nguyên;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XIII;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực X;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước khu vực VII;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, VP HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh uỷ, VP UBND tỉnh;
- Báo Thái Nguyên, TTTT tỉnh;
- Lưu: VT,...

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Bình

**QUY ĐỊNH
VỀ PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%)
PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH NĂM 2025
TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách năm 2025 tỉnh Thái Nguyên theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Sở, ban, ngành, các cơ quan Đảng, đoàn thể, các đơn vị dự toán cấp tỉnh và các xã, phường (gọi chung là cấp xã).
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa ngân sách các cấp ở tỉnh Thái Nguyên năm 2025 được thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Phải đảm bảo đúng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (NSNN) và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật; đảm bảo phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, trình độ quản lý của mỗi cấp trên địa bàn.

2. Ngân sách cấp tỉnh giữ vai trò chủ đạo, các khoản thu ngân sách địa phương được hạch toán vào ngân sách cấp tỉnh (trừ các khoản thu tại Điều 5) và phân bổ kinh phí cho các xã, phường (cấp xã) thực hiện nhiệm vụ.

Việc phân bổ kinh phí từ ngân sách cấp tỉnh cho các xã, phường (cấp xã) được gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn của các xã, phường; qua đó tạo cơ sở để xem xét, đánh giá tính tích cực và ưu tiên bố trí nguồn lực cho những đơn vị hoàn thành và hoàn thành vượt dự toán thu ngân sách nhà nước được giao.

3. Việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Mục 1. Nội dung phân cấp nguồn thu ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã

Điều 4. Nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh

1. Các khoản thu ngân sách tỉnh được hưởng theo tỷ lệ 100%

a) Các khoản thu ngân sách địa phương được hưởng trên địa bàn tỉnh (*Không bao gồm các khoản thu tại Điều 5 Quy định này*).

b) Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật. Huy động đóng góp, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

c) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

d) Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương;

đ) Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh;

e) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Thu bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương.

3. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp tỉnh từ năm trước sang.

Điều 5. Nguồn thu của ngân sách cấp xã

1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%

a) Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng nộp vào ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật;

b) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật;

c) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cấp xã xử phạt, tịch thu;

d) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp xã theo quy định của pháp luật;

đ) Thu kết dư ngân sách cấp xã;

e) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Thu bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh.

3. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã từ năm trước sang.

Mục 2. Nội dung phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã

Điều 6. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do tỉnh quản lý;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của tỉnh theo quy định của pháp luật;

c) Chi đầu tư phát triển các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia do cấp tỉnh quản lý;

d) Chi đối ứng, chi trả nợ gốc, lãi, phí các khoản vay thực hiện các Chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài thuộc nhiệm vụ ngân sách cấp tỉnh;

đ) Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

e) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

g) Kinh phí ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh theo quy định của pháp luật;

2. Chi thường xuyên theo phân cấp trong các lĩnh vực của các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh

a) Các hoạt động sự nghiệp giáo dục và đào tạo, y tế, đảm bảo xã hội, văn hóa, thể dục thể thao, thông tin truyền thông, khoa học và công nghệ, môi trường, các hoạt động sự nghiệp do tỉnh quản lý, bao gồm:

a.1. Giáo dục phổ thông trung học, bổ túc văn hóa, phổ thông dân tộc nội trú; trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh và các hoạt động giáo dục khác;

a.2. Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác;

a.3. Chi phòng bệnh, chữa bệnh tại bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh, các cơ sở y tế như trung tâm kiểm soát bệnh tật, trung tâm y tế, bệnh viện đa khoa tuyến cơ sở, y tế thôn bản và các hoạt động y tế khác;

a.4. Các trung tâm xã hội, trại xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác;

a.5. Bảo tồn di sản, các hoạt động bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật, chiếu bóng và các hoạt động văn hóa khác;

a.6. Phát thanh truyền hình và các hoạt động thông tin khác;

a.7. Bồi dưỡng, huấn luyện, đào tạo huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh, tổ chức các giải thi đấu cấp tỉnh và cấp quốc gia, quản lý các cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác;

a.8. Phát triển khoa học, công nghệ, thông tin, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của địa phương theo quy định của pháp luật, các hoạt động sự nghiệp khoa học công nghệ khác;

a.9. Các hoạt động sự nghiệp thông tin truyền thông, phát thanh truyền hình;

a.10. Các hoạt động sự nghiệp du lịch, gia đình.

b) Các hoạt động sự nghiệp khác do tỉnh quản lý;

c) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do tỉnh quản lý:

c.1. Sự nghiệp giao thông: Công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất công trình đường bộ;

c.2. Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi và lâm nghiệp; duy tu bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, công tác khuyến nông, khuyến lâm; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

c.3. Sự nghiệp thị chính: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, các sự nghiệp thị chính khác;

c.4. Các sự nghiệp kinh tế khác.

d) Các nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường:

d.1. Quản lý đất đai: Điều tra, đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh theo định kỳ và theo chuyên đề; lập, chỉnh lý bản đồ địa chính; thống kê đất đai; kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh; lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; điều tra thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh; lập bản đồ giá đất; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; đăng ký biến động đất đai, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cập nhật biến động đất đai theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có); xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai;

d.2. Đo đạc bản đồ và viễn thám: Các hoạt động đo đạc bản đồ và viễn thám (thiết lập các điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng; xây dựng hệ thống không ảnh chuyên dụng; thành lập bản đồ hành chính cấp cơ sở, bản đồ chuyên đề phục vụ mục đích chuyên dụng); đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính theo quy định

của pháp luật; xây dựng, quản lý thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ, địa giới hành chính; xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu viễn thám trên địa bàn tỉnh;

d.3. Địa chất và khoáng sản: Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác do cấp tỉnh quản lý; khoanh định khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền; lưu trữ, quản lý thông tin về khoáng sản do cấp tỉnh quản lý;

d.4. Tài nguyên nước: Điều tra, đánh giá tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước liên tỉnh trên địa bàn tỉnh; kiểm kê tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh; điều tra, tổng hợp hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải, khí thải, chất thải khác vào nguồn nước đối với nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn; xây dựng và duy trì hoạt động quan trắc, giám sát tài nguyên nước; xây dựng và duy trì cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán và các tác hại khác do nước gây ra thuộc phạm vi địa phương quản lý; các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phòng chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra ở nguồn nước nội tỉnh; xác định danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp do cấp tỉnh quản lý; xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước;

d.5. Khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu: Hoạt động trạm quan trắc khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh; thu thập dữ liệu khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh; dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, truyền thông tin thiên tai do cấp tỉnh quản lý; giám sát biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh; xây dựng, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh;

d.6. Lập, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch các lĩnh vực theo quy định của pháp luật;

d.7. Nhiệm vụ chi khác về quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, biển và hải đảo, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, viễn thám, đa dạng sinh học, chi khác (nếu có) do cấp tỉnh quản lý.

đ) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội phân giao cho cấp tỉnh quản lý theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

e) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam ở cấp tỉnh;

g) Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội thuộc tỉnh: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;

h) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở cấp tỉnh theo quy định mà các tổ chức trên thực hiện

hoạt động, nhiệm vụ do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh giao thì được ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ;

i) Chi đảm bảo xã hội, thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do địa phương quản lý;

k) Phần chi thường xuyên trong các chương trình mục tiêu quốc gia do các cơ quan thuộc tỉnh thực hiện;

l) Chi phục vụ công tác thu phí, lệ phí của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập;

m) Trợ giá theo chính sách của nhà nước;

n) Các hoạt động sự nghiệp môi trường do cấp tỉnh quản lý;

o) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của cấp tỉnh.

4. Chi bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

5. Chi chuyển nguồn từ ngân sách tỉnh năm trước sang ngân sách tỉnh năm sau.

6. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

7. Đối với nhiệm vụ chi từ thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp tỉnh: Giao Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ nguồn kinh phí này để thực hiện bổ sung vốn điều lệ cho các quỹ tài chính ngoài ngân sách, thực hiện dự án của tỉnh được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh.

Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn theo phân cấp của tỉnh;

b) Phần chi đầu tư phát triển cho các chương trình, dự án cấp tỉnh giao;

c) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của xã từ nguồn huy động đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho từng dự án cụ thể theo quy định của pháp luật, do Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định đưa vào ngân sách cấp xã quản lý;

d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên:

a) Các hoạt động về giáo dục do cấp xã quản lý;

b) Chi hoạt động văn hóa thông tin, thể dục, thể thao, phát thanh và các hoạt động thông tin khác do cấp xã quản lý;

c) Chi ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do cấp xã quản lý;

d) Các hoạt động về sự nghiệp môi trường do cấp xã quản lý;

đ) Các hoạt động kinh tế do cấp xã quản lý, bao gồm: Sự nghiệp giao thông; sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn; sự nghiệp tài nguyên, hoạt động kiến thiết thị chính; Chi duy tu, bảo dưỡng kết cấu hạ tầng thủy lợi, chợ,... các hoạt động kinh tế khác được phân cấp quản lý;

e) Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội: Chi huấn luyện dân quân tự vệ, các khoản phụ cấp huy động dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi do ngân sách xã bảo đảm theo quy định; chi thực hiện việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi ngân sách xã bảo đảm theo quy định của pháp luật; chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã; các khoản chi khác theo chế độ quy định;

g) Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam ở cấp xã;

h) Chi hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã;

i) Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ xã và các đối tượng khác theo chế độ quy định;

k) Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do xã quản lý;

l) Chi hỗ trợ hoạt động, phụ cấp cho các đoàn thể, các đối tượng ở xóm, thôn, bản, tổ dân phố... theo quy định;

m) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn từ ngân sách cấp xã năm trước sang ngân sách xã, phường năm sau.

4. Chi trả gốc, lãi, phí các khoản vay thuộc nhiệm vụ ngân sách cấp xã.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực VII, Thuế tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các sở, ngành, cơ quan có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao để tổ chức triển khai thực hiện.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.